

SỔ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Xếp hạng tốt nghiệp	Số TT	Hình thức đào tạo	Số hiệu bằng	Số quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp bằng số	Người nhận bằng ký nhận, ghi rõ họ tên		Ghi chú
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11		12	13	14	15	16(ký)	17 (Họ và tên)	18
1	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	30/9/1994	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	1	Chính quy	B1057801	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-01			
2	Nguyễn Hương	Giang	04/01/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	2	Chính quy	B1057802	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-02			
3	Trần Thị	Hà	21/10/1990	Nữ		Việt Nam	Bắc Giang		2019	GD Mầm non	Khá	3	Chính quy	B1057803	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-03			
4	Nghiêm Thị Thu	Huyền	29/01/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	4	Chính quy	B1057804	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-04			
5	Nguyễn Thị	Linh	16/7/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	5	Chính quy	B1057805	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-05			
6	Hoàng Thị	Nụ	01/7/1991	Nữ		Việt Nam	Bắc Giang		2019	GD Mầm non	Trung bình	6	Chính quy	B1057806	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-06			
7	Ngô Thị	Thoa	14/5/1990	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	7	Chính quy	B1057807	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-07			
8	Nguyễn Thị	Thỏa	23/01/1989	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	8	Chính quy	B1057808	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-08			
9	Nguyễn Thị Huệ	Anh	29/04/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	9	Chính quy	B1057822	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-22			
10	Ngô Thị Kim	Ánh	04/04/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	10	Chính quy	B1057823	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-23			
11	Hoàng Thị	Chinh	25/02/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	11	Chính quy	B1057824	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-24			
12	Nguyễn Tiến	Đại	06/11/1997	Nam		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	12	Chính quy	B1057825	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-25			
13	Đặng Thị Anh	Đào	04/10/1992	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	13	Chính quy	B1057826	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-26			
14	Lê Thị Thu	Hà	05/04/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	14	Chính quy	B1057827	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-27			
15	Nguyễn Nguyệt	Hằng	07/07/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	15	Chính quy	B1057828	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-28			
16	Trần Thúy	Hằng	27/10/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Giỏi	16	Chính quy	B1057829	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-29			
17	Nguyễn Hồng	Hạnh	25/05/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	17	Chính quy	B1057830	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-30			
18	Đoàn Thị Thu	Hoài	03/05/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	18	Chính quy	B1057831	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-31			
19	Đỗ Thị	Hương	14/02/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	19	Chính quy	B1057832	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-32			
20	Nguyễn Thị Thu	Hương	18/10/1996	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	20	Chính quy	B1057833	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-33			
21	Trần Thị Thu	Hương	28/03/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Giỏi	21	Chính quy	B1057834	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-34			
22	Vương Đức	Huy	08/02/1997	Nam		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	22	Chính quy	B1057835	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-35			
23	Nguyễn Thị	Huyền	02/10/1996	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	23	Chính quy	B1057836	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-36			
24	Trần Thị Ngọc	Lan	13/10/1994	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	24	Chính quy	B1057837	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-37			
25	Nguyễn Thị	Lệ	20/10/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	25	Chính quy	B1057838	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-38			
26	Ngô Hoài	Linh	27/02/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Giỏi	26	Chính quy	B1057787	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-39			
27	Trần Thị	Lý	25/12/1990	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Giỏi	27	Chính quy	B1057840	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-40			
28	Trần Thị Tuyết	Mai	21/08/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	28	Chính quy	B1057788	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-41			
29	Nguyễn Thị	My	03/10/1996	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	29	Chính quy	B1057842	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-42			
30	Giang Thị Thu	Nguyệt	05/11/1989	Nữ		Việt Nam	Hưng Yên		2019	GD Tiểu học	Giỏi	30	Chính quy	B1057789	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-43			
31	Trần Thị Quỳnh	Nội	15/02/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	31	Chính quy	B1057790	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-44			
32	Ngô Thị	Quỳnh	07/10/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	32	Chính quy	B1057845	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-45			
33	Trần Thị Thanh	Tâm	13/4/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	33	Chính quy	B1057846	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-46			
34	Dương Thị	Thanh	19/05/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	34	Chính quy	B1057847	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-47			
35	Cao Thị	Thảo	06/02/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	35	Chính quy	B1057848	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-48			
36	Nguyễn Hương	Thảo	14/07/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	36	Chính quy	B1057849	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-49			
37	Nguyễn Thị	Thêu	13/12/1993	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	37	Chính quy	B1057850	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-50			
38	Hoàng Thị	Thoa	01/02/1996	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	38	Chính quy	B1057851	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-51			
39	Nghiêm Thị	Thương	25/01/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Giỏi	39	Chính quy	B1057791	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-52			
40	Đặng Thị	Thùy	18/01/1991	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	40	Chính quy	B1057853	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-53			
41	Dương Thị	Thùy	08/01/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	41	Chính quy	B1057854	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-54			
42	Nguyễn Thị	Thùy	28/08/1991	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	42	Chính quy	B1057855	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-55			
43	Nguyễn Hồng	Tĩnh	09/01/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	43	Chính quy	B1057856	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-56			
44	Nguyễn Thị	Toan	25/03/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	44	Chính quy	B1057857	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-57			
45	Nguyễn Thị	Trang	08/07/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Giỏi	45	Chính quy	B1057792	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-58			
46	Vương Thị	Trang	09/02/1995	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	46	Chính quy	B1057859	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-59			
47	Nguyễn Thanh	Tùng	10/11/1997	Nam		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	47	Chính quy	B1057860	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-60			
48	Nguyễn Văn	Ước	18/08/1994	Nam		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	48	Chính quy	B1057861	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-61			
49	Đỗ Thị Thanh	Xuân	04/02/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	49	Chính quy	B1057862	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-62			

SỔ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Xếp hạng tốt nghiệp	Số TT	Hình thức đào tạo	Số hiệu bằng	Số quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp bằng số	Người nhận bằng ký nhận, ghi rõ họ tên		Ghi chú
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11		12	13	14	15	16(ký)	17 (Họ và tên)	18
50	Trần Thị	Xuân	05/03/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	50	Chính quy	B1057863	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-63			
51	Nguyễn Thị	Yên	13/11/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	51	Chính quy	B1057864	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-64			
52	Nguyễn Thị Hải	Yên	19/06/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	52	Chính quy	B1057865	Số 139/QĐ-CĐSP (10/4/2019)	K11-65			
53	Nguyễn Thị	Hoa	02/12/1993	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	1	Chính quy	B1057809	Số 140/QĐ-CĐSP (09/4/2019)	K11-09			
54	Nguyễn Thị	Lương	22/6/1989	Nữ		Việt Nam	Bắc Giang		2019	GD Mầm non	Khá	2	Chính quy	B1057810	Số 140/QĐ-CĐSP (09/4/2019)	K11-10			
55	Dương Thúy	Nga	15/8/1991	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	3	Chính quy	B1057811	Số 140/QĐ-CĐSP (09/4/2019)	K11-11			
56	Phạm Thị	Nga	23/3/1993	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	4	Chính quy	B1057812	Số 140/QĐ-CĐSP (09/4/2019)	K11-12			
57	Nguyễn Thị	Ngân	23/10/1987	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	5	Chính quy	B1057813	Số 140/QĐ-CĐSP (09/4/2019)	K11-13			
58	Nguyễn Thị	Quế	13/10/1986	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	6	Chính quy	B1057814	Số 140/QĐ-CĐSP (09/4/2019)	K11-14			
59	Nguyễn Thị	Quỳnh	14/3/1996	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	7	Chính quy	B1057815	Số 140/QĐ-CĐSP (09/4/2019)	K11-15			
60	Trần Thị	Thơ	15/02/1989	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	8	Chính quy	B1057816	Số 140/QĐ-CĐSP (09/4/2019)	K11-16			
61	Nguyễn Thị	Thom	03/10/1996	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	9	Chính quy	B1057817	Số 140/QĐ-CĐSP (09/4/2019)	K11-17			
62	Nguyễn Thị	Thư	08/5/1995	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Trung bình	10	Chính quy	B1057818	Số 140/QĐ-CĐSP (09/4/2019)	K11-18			
63	Nguyễn Thị	Thùy	19/12/1989	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	11	Chính quy	B1057819	Số 140/QĐ-CĐSP (09/4/2019)	K11-19			
64	Nguyễn Thị Thu	Trang	28/02/1990	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	12	Chính quy	B1057820	Số 140/QĐ-CĐSP (09/4/2019)	K11-20			
65	Đinh Thị	Tranh	05/5/1987	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	13	Chính quy	B1057821	Số 140/QĐ-CĐSP (09/4/2019)	K11-21			
66	Bùi Thị Quỳnh	Hoa	17/01/1996	Nữ		Việt Nam	Hà Nội	K36	2019	GD Tiểu học	Giỏi	1	Chính quy	B937102	Số 140/QĐ-CĐSP (09/4/2019)	K36-01			
67	Trần Thị Ngọc	Anh	25/12/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	1	VLVH	B1057867	Số 193QĐ/CĐSP(15/5)	VLVH-01			
68	Nguyễn Thị	Bút	28/09/1994	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	2	VLVH	B1057868	Số 193QĐ/CĐSP(15/5)	VLVH-02			
69	Nguyễn Thị	Dung	04/12/1989	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Giỏi	3	VLVH	B1057869	Số 193QĐ/CĐSP(15/5)	VLVH-03			
70	Phùng Thị	Hà	04/02/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	4	VLVH	B1057870	Số 193QĐ/CĐSP(15/5)	VLVH-04			
71	Nguyễn Thị	Hành	02/10/1992	Nữ		Việt Nam	Nghệ An		2019	GD Mầm non	Giỏi	5	VLVH	B1057871	Số 193QĐ/CĐSP(15/5)	VLVH-05			
72	Vũ Thị	Hiếu	14/07/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	6	VLVH	B1057872	Số 193QĐ/CĐSP(15/5)	VLVH-06			
73	Nguyễn Thị	Hoa	18/09/1986	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	7	VLVH	B1057873	Số 193QĐ/CĐSP(15/5)	VLVH-07			
74	Nguyễn Thị	Huế	15/09/1996	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	8	VLVH	B1057874	Số 193QĐ/CĐSP(15/5)	VLVH-08			
75	Nguyễn Thị	Hương	20/06/1989	Nữ		Việt Nam	Thanh Hóa		2019	GD Mầm non	Giỏi	9	VLVH	B1057875	Số 193QĐ/CĐSP(15/5)	VLVH-09			
76	Nguyễn Thị	Hương	23/04/1994	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Giỏi	10	VLVH	B1057876	Số 193QĐ/CĐSP(15/5)	VLVH-10			
77	Trần Thị Linh	Hướng	23/07/1997	Nữ		Việt Nam	Nghệ An		2019	GD Mầm non	Khá	11	VLVH	B1057877	Số 193QĐ/CĐSP(15/5)	VLVH-11			
78	Ngô Thị	Lương	27/01/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	12	VLVH	B1057878	Số 193QĐ/CĐSP(15/5)	VLVH-12			
79	Nguyễn Thị	Nga	28/06/1995	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	13	VLVH	B1057879	Số 193QĐ/CĐSP(15/5)	VLVH-13			
80	Đào Thị	Phương	20/09/1994	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Giỏi	14	VLVH	B1057880	Số 193QĐ/CĐSP(15/5)	VLVH-14			
81	Nguyễn Thị	Phượng	19/06/1996	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	15	VLVH	B1057881	Số 193QĐ/CĐSP(15/5)	VLVH-15			
82	Trịnh Thị	Quy	18/01/1996	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	16	VLVH	B1057882	Số 193QĐ/CĐSP(15/5)	VLVH-16			
83	Trương Thị	Sim	05/02/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	17	VLVH	B1057883	Số 193QĐ/CĐSP(15/5)	VLVH-17			
84	Nguyễn Thị	Tâm	26/11/1993	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	18	VLVH	B1057884	Số 193QĐ/CĐSP(15/5)	VLVH-18			
85	Nguyễn Thị	Trang	05/05/1989	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	19	VLVH	B1057885	Số 193QĐ/CĐSP(15/5)	VLVH-19			
86	Nguyễn Thị	Trang	15/02/1995	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	20	VLVH	B1057886	Số 193QĐ/CĐSP(15/5)	VLVH-20			
87	Nguyễn Thị Thu	Trang	31/12/1994	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	21	VLVH	B1057887	Số 193QĐ/CĐSP(15/5)	VLVH-21			
88	Nguyễn Thị	Tứ	07/06/1985	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	22	VLVH	B1057888	Số 193QĐ/CĐSP(15/5)	VLVH-22			
89	Nguyễn Thị	Dung	29/5/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	1	VLVH	B1054696	Số 290QĐ/CĐSP(12/7)	VLVH-23			
90	Nguyễn Thị	Hoa	07/3/1987	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Giỏi	2	VLVH	B1057697	Số 290QĐ/CĐSP(12/7)	VLVH-24			
91	Nguyễn Thị	Huyền	04/02/1990	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Giỏi	3	VLVH	B1060698	Số 290QĐ/CĐSP(12/7)	VLVH-25			
92	Nguyễn Thị	Lê	19/01/1982	Nữ		Việt Nam	Hải Dương		2019	GD Mầm non	Giỏi	4	VLVH	B1063699	Số 290QĐ/CĐSP(12/7)	VLVH-26			
93	Nguyễn Thị	Loan	21/02/1993	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	5	VLVH	B1066700	Số 290QĐ/CĐSP(12/7)	VLVH-27			
94	Nguyễn Thị	Nhung	18/5/1984	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Giỏi	6	VLVH	B1057793	Số 290QĐ/CĐSP(12/7)	VLVH-28			
95	Nguyễn Thị	Oanh	28/9/1988	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Giỏi	7	VLVH	B1057794	Số 290QĐ/CĐSP(12/7)	VLVH-29			
96	Trần Thị	Thanh	19/10/1995	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	8	VLVH	B1057795	Số 290QĐ/CĐSP(12/7)	VLVH-30			
97	Nguyễn Thị	Thương	04/8/1989	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	9	VLVH	B1057796	Số 290QĐ/CĐSP(12/7)	VLVH-31			
98	Nguyễn Thị	Trang	19/5/1994	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	10	VLVH	B1057797	Số 290QĐ/CĐSP(12/7)	VLVH-32			
99	Nguyễn Thị	Tuyền	08/9/1986	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	11	VLVH	B1057798	Số 290QĐ/CĐSP(12/7)	VLVH-33			
100	Lê Thị	Tuyết	18/9/1991	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	12	VLVH	B1057799	Số 290QĐ/CĐSP(12/7)	VLVH-34			

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Xếp hạng tốt nghiệp	Số TT	Hình thức đào tạo	Số hiệu bằng	Số quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp bằng số	Người nhận bằng ký nhận, ghi rõ họ tên		Ghi chú
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11		12	13	14	15	16(ký)	17 (Họ và tên)	18
101	Dương Thị Hồng	Anh	16/9/1996	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	1	Chính quy	B1057669	Số QĐ 341/QĐ-CDSP (5/8/2019)	K11-66			
102	Vũ Thị	Diện	04/01/1985	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	2	Chính quy	B1057670	Số QĐ 341/QĐ-CDSP (5/8/2019)	K11-67			
103	Dương Thị Bích	Hường	26/7/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	3	Chính quy	B1057671	Số QĐ 341/QĐ-CDSP (5/8/2019)	K11-68			
104	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	14/8/1990	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	4	Chính quy	B1057672	Số QĐ 341/QĐ-CDSP (5/8/2019)	K11-69			
105	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	07/6/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	5	Chính quy	B1057673	Số QĐ 341/QĐ-CDSP (5/8/2019)	K11-70			
106	Nguyễn Thị Minh	Phượng	13/6/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	6	Chính quy	B1057674	Số QĐ 341/QĐ-CDSP (5/8/2019)	K11-71			
107	Nguyễn Thị	Thoa	15/03/1993	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	7	Chính quy	B1057675	Số QĐ 341/QĐ-CDSP (5/8/2019)	K11-72			
108	Ngô Ngọc	Thu	22/12/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Giỏi	8	Chính quy	B1057676	Số QĐ 341/QĐ-CDSP (5/8/2019)	K11-73			
109	Ngô Phương	Thủy	29/10/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	9	Chính quy	B1057677	Số QĐ 341/QĐ-CDSP (5/8/2019)	K11-74			
110	Phan Tú	Uyên	07/9/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	10	Chính quy	B1057678	Số QĐ 341/QĐ-CDSP (5/8/2019)	K11-75			
111	Cao Thị	Hường	03/9/1991	Nữ		Việt Nam	Ninh Bình		2019	GD Mầm non	Khá	11	Chính quy	B1057679	Số QĐ 341/QĐ-CDSP (5/8/2019)	K11-76			
112	Nguyễn Thùy	Linh	08/7/1996	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	12	Chính quy	B1057680	Số QĐ 341/QĐ-CDSP (5/8/2019)	K11-77			
113	Dương Thị Lan	Anh	14/3/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	1	Chính quy	B937001	Số QĐ 200/CDSP (24/5/2019)	K36-02			
114	Ngô Ngọc	Anh	08/3/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	2	Chính quy	B937002	Số QĐ 200/CDSP (24/5/2019)	K36-03			
115	Ngô Thị Mai	Anh	07/01/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	3	Chính quy	B937003	Số QĐ 200/CDSP (24/5/2019)	K36-04			
116	Nguyễn Thị Mai	Anh	31/5/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	4	Chính quy	B937004	Số QĐ 200/CDSP (24/5/2019)	K36-05			
117	Ngô Minh	Ánh	23/02/1997	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	5	Chính quy	B937005	Số QĐ 200/CDSP (24/5/2019)	K36-06			
118	Trần Thị Ngọc	Ánh	05/8/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	6	Chính quy	B937006	Số QĐ 200/CDSP (24/5/2019)	K36-07			
119	Mạc Thị Ngọc	Bích	16/9/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	7	Chính quy	B937007	Số QĐ 200/CDSP (24/5/2019)	K36-08			
120	Viêm Thị	Cải	19/8/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	8	Chính quy	B937008	Số QĐ 200/CDSP (24/5/2019)	K36-09			
121	Nguyễn Ngọc	Châm	10/02/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	9	Chính quy	B937009	Số QĐ 200/CDSP (24/5/2019)	K36-10			
122	Trần Thị	Chinh	30/11/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	10	Chính quy	B937010	Số QĐ 200/CDSP (24/5/2019)	K36-11			
123	Nguyễn Thị	Hà	23/4/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	11	Chính quy	B937011	Số QĐ 200/CDSP (24/5/2019)	K36-12			
124	Lê Thị Minh	Hạnh	10/4/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	12	Chính quy	B937012	Số QĐ 200/CDSP (24/5/2019)	K36-13			
125	Nguyễn Thị	Hạt	02/01/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	13	Chính quy	B937013	Số QĐ 200/CDSP (24/5/2019)	K36-14			
126	Nghiêm Thị Thúy	Hằng	26/01/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	14	Chính quy	B937014	Số QĐ 200/CDSP (24/5/2019)	K36-15			
127	Nguyễn Thị	Hằng	26/12/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	15	Chính quy	B937015	Số QĐ 200/CDSP (24/5/2019)	K36-16			
128	Nguyễn Thị	Hiền	12/4/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	16	Chính quy	B937016	Số QĐ 200/CDSP (24/5/2019)	K36-17			
129	Vũ Thị	Hoan	02/3/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	17	Chính quy	B937017	Số QĐ 200/CDSP (24/5/2019)	K36-18			
130	Lê Thị Thanh	Hoài	20/10/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	18	Chính quy	B937018	Số QĐ 200/CDSP (24/5/2019)	K36-19			
131	Nguyễn Minh	Huệ	14/5/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	19	Chính quy	B937019	Số QĐ 200/CDSP (24/5/2019)	K36-20			
132	Nghiêm Thị	Huyền	28/11/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	20	Chính quy	B937020	Số QĐ 200/CDSP (24/5/2019)	K36-21			
133	Lê Thị Thu	Hường	15/10/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	21	Chính quy	B937021	Số QĐ 200/CDSP (24/5/2019)	K36-22			
134	Nguyễn Thị	Hường	08/7/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	22	Chính quy	B937022	Số QĐ 200/CDSP (24/5/2019)	K36-23			
135	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	21/9/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	23	Chính quy	B937023	Số QĐ 200/CDSP (24/5/2019)	K36-24			
136	Nguyễn Duy	Linh	23/7/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	24	Chính quy	B937024	Số QĐ 200/CDSP (24/5/2019)	K36-25			
137	Trần Ngọc	Linh	30/3/1997	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	25	Chính quy	B937025	Số QĐ 200/CDSP (24/5/2019)	K36-26			
138	Đàm Thị Ngọc	Ly	21/10/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	26	Chính quy	B937026	Số QĐ 200/CDSP (24/5/2019)	K36-27			
139	Vũ Thị	Nga	11/8/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	27	Chính quy	B937027	Số QĐ 200/CDSP (24/5/2019)	K36-28			
140	Vũ Huy	Nghĩa	26/01/1998	Nam	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	28	Chính quy	B937028	Số QĐ 200/CDSP (24/5/2019)	K36-29			
141	Thân Minh	Ngọc	31/10/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	29	Chính quy	B937029	Số QĐ 200/CDSP (24/5/2019)	K36-30			
142	Dương Thị	Nhung	17/02/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	30	Chính quy	B937030	Số QĐ 200/CDSP (24/5/2019)	K36-31			
143	Chu Thị Thu	Uyên	23/10/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	31	Chính quy	B937031	Số QĐ 200/CDSP (24/5/2019)	K36-32			
144	Lê Thị Thu	Phượng	14/5/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	32	Chính quy	B937032	Số QĐ 200/CDSP (24/5/2019)	K36-33			

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Xếp hạng tốt nghiệp	Số TT	Hình thức đào tạo	Số hiệu bằng	Số quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp bằng số	Người nhận bằng ký nhận, ghi rõ họ tên		Ghi chú
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11		12	13	14	15	16(ký)	17 (Họ và tên)	18
145	Nguyễn Thị Ngọc	Phuong	04/9/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	33	Chính quy	B937033	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-34			
146	Nguyễn Phương	Thanh	26/9/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	34	Chính quy	B937034	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-35			
147	Đặng Thị	Thảo	18/01/1997	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	35	Chính quy	B937035	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-36			
148	Nguyễn Thị Thu	Thảo	17/9/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	36	Chính quy	B937036	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-37			
149	Phùng Thị Phương	Thảo	02/5/1997	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	37	Chính quy	B937037	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-38			
150	Trần Thị	Thắm	02/4/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	38	Chính quy	B937038	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-39			
151	Nguyễn Thị	Thoan	30/6/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	39	Chính quy	B937039	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-40			
152	Nguyễn Thị	Thọ	07/3/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	40	Chính quy	B937040	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-41			
153	Nguyễn Thị	Thúy	30/5/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	41	Chính quy	B937041	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-42			
154	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	01/5/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	42	Chính quy	B937042	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-43			
155	Nguyễn Thị Diệu	Thùy	08/5/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	43	Chính quy	B937043	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-44			
156	Nghiêm Thị	Thùy	09/9/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	44	Chính quy	B937044	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-45			
157	Nguyễn Thị Thu	Trang	17/01/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	45	Chính quy	B937045	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-46			
158	Trần Thu	Trang	19/8/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	46	Chính quy	B937046	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-47			
159	Nguyễn Thị Thanh	Trà	05/11/1997	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	47	Chính quy	B937103	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-48			
160	Nguyễn Thị Y	Vân	19/8/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	48	Chính quy	B937104	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-49			
161	Nguyễn Thị Hải	Yến	31/8/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	49	Chính quy	B937105	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-50			
162	Ngô Thùy	Châm	26/11/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	50	Chính quy	B937106	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-51			
163	Nguyễn Thị Phương	Dung	20/10/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	51	Chính quy	B937107	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-52			
164	Đỗ Thị Thùy	Dương	01/01/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	52	Chính quy	B937108	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-53			
165	Ngô Thị Thùy	Dương	02/02/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	53	Chính quy	B937109	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-54			
166	Vũ Hương	Giang	18/12/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	54	Chính quy	B937110	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-55			
167	Dương Thị Phương	Hảo	08/02/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	55	Chính quy	B937111	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-56			
168	Nghiêm Thị	Hằng	19/8/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Trung bình	56	Chính quy	B937112	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-57			
169	Nguyễn Thị	Hằng	22/12/1997	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	57	Chính quy	B937113	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-58			
170	Nguyễn Thị	Hằng	06/12/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	58	Chính quy	B937114	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-59			
171	Phan Thị	Hằng	12/4/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	59	Chính quy	B937115	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-60			
172	Vũ Thị	Hiền	13/02/1997	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	60	Chính quy	B937116	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-61			
173	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	31/5/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	61	Chính quy	B937117	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-62			
174	Lê Thị	Hoài	30/8/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	62	Chính quy	B937118	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-63			
175	Nguyễn Thị Thu	Hợp	13/9/1997	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	63	Chính quy	B937119	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-64			
176	Trần Thị	Huệ	17/9/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	64	Chính quy	B937120	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-65			
177	Nguyễn Thị Thu	Huyền	28/8/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	65	Chính quy	B937121	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-66			
178	Lưu Thị	Hương	12/3/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	66	Chính quy	B937122	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-67			
179	Nguyễn Thị Thu	Hương	03/5/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	67	Chính quy	B937123	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-68			
180	Nguyễn Thị Thu	Hường	01/02/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	68	Chính quy	B937124	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-69			
181	Nguyễn Hương	Lan	27/3/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	69	Chính quy	B937125	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-70			
182	Nguyễn Phương	Lan	01/01/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	70	Chính quy	B937126	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-71			
183	Phạm Thị	Lan	19/9/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	71	Chính quy	B937127	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-72			
184	Ngô Thị Thu	Lanh	05/5/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	72	Chính quy	B937128	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-73			
185	Mai Thị Trang	Linh	15/6/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	73	Chính quy	B937129	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-74			
186	Nguyễn Thành	Nam	19/02/1997	Nam	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	74	Chính quy	B937130	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-75			

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Xếp hạng tốt nghiệp	Số TT	Hình thức đào tạo	Số hiệu bằng	Số quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp bằng số	Người nhận bằng ký nhận, ghi rõ họ tên		Ghi chú
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11		12	13	14	15	16(ký)	17 (Họ và tên)	18
187	Đặng Thị Quỳnh	Nga	02/5/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	75	Chính quy	B937131	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-76			
188	Lê Thị	Nga	25/5/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	76	Chính quy	B937132	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-77			
189	Nguyễn Thị	Ngà	12/02/1997	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	77	Chính quy	B937133	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-78			
190	Đào Hồng	Ngọc	20/01/1997	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	78	Chính quy	B937134	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-79			
191	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	05/11/1997	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	79	Chính quy	B937135	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-80			
192	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	28/5/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	80	Chính quy	B937136	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-81			
193	Ngô Thị	Nhanh	03/6/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	81	Chính quy	B937137	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-82			
194	Nguyễn Lan	Nhi	06/11/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	82	Chính quy	B937138	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-83			
195	Mạc Thị Hồng	Nhung	05/6/1997	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	83	Chính quy	B937139	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-84			
196	Nguyễn Thị Ngọc	Oanh	22/6/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	84	Chính quy	B937140	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-85			
197	Hoàng Thị	Phổ	16/7/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	85	Chính quy	B937141	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-86			
198	Nguyễn Thị	Phúc	25/10/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	86	Chính quy	B937142	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-87			
199	Nguyễn Minh	Phuong	15/10/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	87	Chính quy	B937143	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-88			
200	Nguyễn Thị	Phuong	06/10/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	88	Chính quy	B937144	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-89			
201	Trần Thị	Quỳnh	03/10/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	89	Chính quy	B937145	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-90			
202	Nguyễn Thị	Sang	26/12/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	90	Chính quy	B937146	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-91			
203	Nguyễn Thị	Thuận	24/01/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	91	Chính quy	B937147	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-92			
204	Nguyễn Thị	Thúy	29/12/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	92	Chính quy	B937148	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-93			
205	Phùng Thị	Thùy	20/10/1997	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	93	Chính quy	B937149	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-94			
206	Ngô Thu	Trang	18/4/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	94	Chính quy	B937150	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-95			
207	Đặng Văn	Trường	21/10/1997	Nam	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Trung bình	95	Chính quy	B937151	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-96			
208	Ngô Thị Ánh	Vân	09/11/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	96	Chính quy	B937152	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-97			
209	Nguyễn Thị	Vân	28/02/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	97	Chính quy	B937153	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-98			
210	Nguyễn Hải	Yến	16/11/1997	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	98	Chính quy	B937154	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-99			
211	Nguyễn Thị Hải	Yến	30/01/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Trung bình	99	Chính quy	B937155	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-100			
212	Nguyễn Thị	Anh	13/02/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	100	Chính quy	B937156	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-101			
213	Vũ Thị	Ánh	02/11/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Xuất sắc	101	Chính quy	B937157	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-102			
214	Bùi Thị	Bích	13/3/1996	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Xuất sắc	102	Chính quy	B937158	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-103			
215	Nguyễn Thị	Bình	20/12/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Xuất sắc	103	Chính quy	B937159	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-104			
216	Vũ Thị	Chuyên	25/02/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	104	Chính quy	B937160	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-105			
217	Nguyễn Thị Thanh	Hào	19/3/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	105	Chính quy	B937161	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-106			
218	Đỗ Thị	Hằng	18/10/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	106	Chính quy	B937162	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-107			
219	Nguyễn Thu	Hằng	19/6/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	107	Chính quy	B937163	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-108			
220	Nguyễn Thị	Hòa	13/6/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	108	Chính quy	B937164	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-109			
221	Nguyễn Thị	Hồng	12/11/1997	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	109	Chính quy	B937165	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-110			
222	Dương Thị Khánh	Huyền	06/02/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	110	Chính quy	B937166	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-111			
223	Nguyễn Thị	Huyền	21/4/1997	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	111	Chính quy	B937167	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-112			
224	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	19/10/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	112	Chính quy	B937168	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-113			
225	Trần Thị Thu	Hương	25/10/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	113	Chính quy	B937169	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-114			
226	Vũ Thị Thu	Hương	22/9/1997	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	114	Chính quy	B937170	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-115			
227	Dương Thu	Hường	21/02/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	115	Chính quy	B937171	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-116			
228	Vũ Thị	Hường	27/10/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	116	Chính quy	B937172	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-117			

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Xếp hạng tốt nghiệp	Số TT	Hình thức đào tạo	Số hiệu bằng	Số quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp bằng số	Người nhận bằng ký nhận, ghi rõ họ tên		Ghi chú
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11		12	13	14	15	16(ký)	17 (Họ và tên)	18
229	Nguyễn Thị	Lan	03/02/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	117	Chính quy	B937173	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-118			
230	Nguyễn Thị Thúy	Lan	04/7/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	118	Chính quy	B937174	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-119			
231	Phạm Thị	Liên	01/9/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	119	Chính quy	B937175	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-120			
232	Trương Thị	Liên	04/7/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	120	Chính quy	B937176	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-121			
233	Nguyễn Thị Phương	Linh	17/02/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	121	Chính quy	B937177	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-122			
234	Nguyễn Thị Thùy	Linh	17/9/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	122	Chính quy	B937178	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-123			
235	Trần Thị Khánh	Linh	21/4/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	123	Chính quy	B937179	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-124			
236	Trần Thị Khánh	Linh	09/6/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	124	Chính quy	B937180	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-125			
237	Trần Thùy	Linh	29/10/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	125	Chính quy	B937181	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-126			
238	Vũ Thị Mai	Linh	29/8/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	126	Chính quy	B937182	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-127			
239	Nguyễn Thị	Lý	20/01/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Xuất sắc	127	Chính quy	B937183	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-128			
240	Nguyễn Thị	Mến	05/01/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	128	Chính quy	B937184	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-129			
241	Cao Thị	Minh	04/6/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	129	Chính quy	B937185	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-130			
242	Vũ Mỹ	Nga	07/8/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	130	Chính quy	B937186	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-131			
243	Nguyễn Thị	Ngân	30/12/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	131	Chính quy	B937187	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-132			
244	Phạm Thị Hồng	Ngọc	17/09/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	132	Chính quy	B937188	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-133			
245	Nguyễn Thị	Nguyệt	28/4/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	133	Chính quy	B937189	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-134			
246	Lê Văn	Nhân	04/8/1998	Nam	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	134	Chính quy	B937190	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-135			
247	Nguyễn Thị	Ninh	01/9/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	135	Chính quy	B937191	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-136			
248	Nghiêm Thị	Oanh	19/7/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	136	Chính quy	B937192	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-137			
249	Lê Thị Thu	Uyên	24/11/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	137	Chính quy	B937193	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-138			
250	Dương Thị	Phương	25/8/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	138	Chính quy	B937194	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-139			
251	Nguyễn Hà	Phương	22/6/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	139	Chính quy	B937195	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-140			
252	Nguyễn Thị	Phương	25/12/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	140	Chính quy	B937196	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-141			
253	Nguyễn Thị Bích	Phương	19/7/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	141	Chính quy	B937197	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-142			
254	Đỗ Thị Thu	Phượng	19/01/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	142	Chính quy	B937198	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-143			
255	Nguyễn Thị	Quyên	13/7/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	143	Chính quy	B937199	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-144			
256	Nguyễn Thị Bích	Quyên	12/5/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	144	Chính quy	B937200	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-145			
257	Hoàng Thị	Quỳnh	03/9/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	145	Chính quy	B940879	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-146			
258	Nguyễn Như	Quỳnh	22/10/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	146	Chính quy	B940880	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-147			
259	Dương Thu	Thanh	27/2/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	147	Chính quy	B940881	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-148			
260	Nguyễn Thị	Thùy	24/6/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	148	Chính quy	B940882	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-149			
261	Trương Thị Thu	Thùy	06/9/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	149	Chính quy	B940883	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-150			
262	Trần Kim	Tuyền	15/12/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	150	Chính quy	B940884	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-151			
263	Đào Thị	Tuyết	15/10/1995	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	151	Chính quy	B940885	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-152			
264	Nguyễn Thị Huyền	Trang	12/7/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Xuất sắc	152	Chính quy	B940886	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-153			
265	Hoàng Thị Anh	Trinh	22/8/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	153	Chính quy	B940887	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-154			
266	Đình Bá Kiên	Trung	10/10/1998	Nam	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	154	Chính quy	B940888	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-155			
267	Lưu Thị Thanh	Vân	12/10/1997	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	155	Chính quy	B940889	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-156			
268	Nguyễn Thị Hải	Yến	26/9/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	156	Chính quy	B940890	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-157			
269	Bùi Thị Ngọc	Ánh	14/7/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	157	Chính quy	B940891	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-158			
270	Hoàng Thị	Bình	11/6/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	158	Chính quy	B940892	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-159			

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Xếp hạng tốt nghiệp	Số TT	Hình thức đào tạo	Số hiệu bằng	Số quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp bằng số	Người nhận bằng ký nhận, ghi rõ họ tên		Ghi chú
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11		12	13	14	15	16(ký)	17 (Họ và tên)	18
271	Trần Đồng	Bộ	25/02/1998	Nam	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	159	Chính quy	B940893	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-160			
272	Nguyễn Thị	Dung	10/5/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	160	Chính quy	B940894	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-161			
273	Nguyễn Thị Ngọc	Điệp	21/12/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	161	Chính quy	B940895	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-162			
274	Lê Thị Thu	Hà	24/02/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	162	Chính quy	B940896	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-163			
275	Mẫn Thu	Hà	20/4/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Trung bình	163	Chính quy	B940897	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-164			
276	Tổng Thị	Hân	04/11/1997	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	164	Chính quy	B940898	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-165			
277	Cao Thị	Hoa	17/7/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	165	Chính quy	B940899	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-166			
278	Nguyễn Thị	Hoài	11/3/1997	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	166	Chính quy	B940900	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-167			
279	Vũ Thị	Huệ	06/4/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	167	Chính quy	B940901	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-168			
280	Nguyễn Thị	Huyền	15/7/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	168	Chính quy	B940902	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-169			
281	Nguyễn Thị	Huyền	14/7/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	169	Chính quy	B940903	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-170			
282	Bùi Quỳnh	Hương	26/6/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	170	Chính quy	B940904	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-171			
283	Phùng Thị	Hương	13/11/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	171	Chính quy	B940905	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-172			
284	Trần Thị Thu	Hương	18/4/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	172	Chính quy	B940906	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-173			
285	Trương Thanh	Hường	10/6/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	173	Chính quy	B940907	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-174			
286	Bùi Thị	Lan	18/12/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	174	Chính quy	B940908	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-175			
287	Nguyễn Thị Thu	Lan	11/10/1997	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	175	Chính quy	B940909	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-176			
288	Trần Thị	Lan	10/10/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	176	Chính quy	B940910	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-177			
289	Nguyễn Thị Bích	Liên	21/4/1997	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	177	Chính quy	B940911	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-178			
290	Ngô Thị	Linh	23/8/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	178	Chính quy	B940912	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-179			
291	Nguyễn Thị Thùy	Ninh	29/12/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	179	Chính quy	B940913	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-180			
292	Nguyễn Thị Minh	Lý	22/10/1996	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	180	Chính quy	B940914	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-181			
293	Nguyễn Phương	Mai	21/9/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	181	Chính quy	B940915	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-182			
294	Nguyễn Thị	Mai	14/12/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	182	Chính quy	B940916	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-183			
295	Nguyễn Thị	Miền	07/7/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	183	Chính quy	B940917	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-184			
296	Nguyễn Thị Trà	Mi	22/11/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	184	Chính quy	B940918	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-185			
297	Lê Thị Huyền	Mỹ	20/3/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	185	Chính quy	B940919	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-186			
298	Nguyễn Thị	Nữ	19/10/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Trung bình	186	Chính quy	B940920	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-187			
299	Nguyễn Thị Minh	Phụng	19/4/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	187	Chính quy	B940921	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-188			
300	Nguyễn Thị	Phương	17/10/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	188	Chính quy	B940922	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-189			
301	Nguyễn Thị Hà	Phương	15/3/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	189	Chính quy	B940923	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-190			
302	Nguyễn Thị Lan	Phương	12/5/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	190	Chính quy	B940924	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-191			
303	Nguyễn Thị Thu	Phương	14/02/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	191	Chính quy	B940925	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-192			
304	Phạm Thúy	Quỳnh	16/9/1997	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	192	Chính quy	B940926	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-193			
305	Trần Thị	Quỳnh	20/02/1997	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	193	Chính quy	B940927	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-194			
306	Bùi Thị	Son	02/10/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	194	Chính quy	B940928	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-195			
307	Ngô Thị	Thanh	15/10/1997	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	195	Chính quy	B940929	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-196			
308	Nguyễn Phương	Thảo	27/7/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	196	Chính quy	B940930	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-197			
309	Trần Thị Thanh	Thảo	28/01/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	197	Chính quy	B940931	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-198			
310	Nguyễn Thị	Thu	21/7/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	198	Chính quy	B940932	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-199			
311	Nguyễn Ngọc	Thúy	01/4/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	199	Chính quy	B940933	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-200			
312	Lê Thị Thu	Thùy	08/12/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	200	Chính quy	B940934	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-201			

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Xếp hạng tốt nghiệp	Số TT	Hình thức đào tạo	Số hiệu bằng	Số quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp bằng số	Người nhận bằng ký nhận, ghi rõ họ tên		Ghi chú
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11		12	13	14	15	16(ký)	17 (Họ và tên)	18
313	Dương Thủy	Tiên	30/10/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	201	Chính quy	B940935	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-202			
314	Nguyễn Thủy	Tiên	15/5/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	202	Chính quy	B940936	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-203			
315	Nguyễn Thị Thu	Trang	10/01/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	203	Chính quy	B940937	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-204			
316	Lê Thị	Vân	18/8/1997	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	204	Chính quy	B940938	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-205			
317	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	21/10/1998	Nữ	E	Việt Nam	Hà Nội	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	205	Chính quy	B940939	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-206			
318	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	23/8/1998	Nữ	E	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	206	Chính quy	B940940	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-207			
319	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	25/12/1998	Nữ	E	Việt Nam	Hà Nội	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	207	Chính quy	B940941	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-208			
320	Phạm Thị	Bích	18/3/1998	Nữ	E	Việt Nam	Bắc Giang	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	208	Chính quy	B940942	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-209			
321	Nguyễn Thị	Cúc	25/4/1998	Nữ	E	Việt Nam	Bắc Giang	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	209	Chính quy	B940943	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-210			
322	Nguyễn Thị Thùy	Dương	30/5/1998	Nữ	E	Việt Nam	Hà Nội	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	210	Chính quy	B940944	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-211			
323	Cao Thị	Giang	28/6/1998	Nữ	E	Việt Nam	Bắc Giang	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	211	Chính quy	B940945	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-212			
324	Nguyễn Thị Trà	Giang	22/9/1998	Nữ	E	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	212	Chính quy	B940946	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-213			
325	Nguyễn Thị Hải	Hạnh	29/11/1998	Nữ	E	Việt Nam	Bắc Giang	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	213	Chính quy	B940947	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-214			
326	Trần Thị	Hạnh	01/4/1998	Nữ	E	Việt Nam	Bắc Giang	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	214	Chính quy	B940948	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-215			
327	Nguyễn Thị	Hằng	02/7/1998	Nữ	E	Việt Nam	Bắc Giang	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	215	Chính quy	B940949	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-216			
328	Nguyễn Thị	Hằng	21/8/1997	Nữ	E	Việt Nam	Bắc Giang	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	216	Chính quy	B940950	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-217			
329	Nguyễn Thị Thu	Hiền	24/12/1998	Nữ	E	Việt Nam	Bắc Giang	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	217	Chính quy	B940951	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-218			
330	Nguyễn Thị	Huế	12/7/1998	Nữ	E	Việt Nam	Hà Nội	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	218	Chính quy	B940952	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-219			
331	Đặng Thị	Huệ	23/3/1998	Nữ	E	Việt Nam	Hà Nội	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	219	Chính quy	B940953	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-220			
332	Vũ Thị	Huệ	13/02/1998	Nữ	E	Việt Nam	Hà Nội	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	220	Chính quy	B940954	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-221			
333	Ngô Thu	Huyền	11/8/1998	Nữ	E	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	221	Chính quy	B940955	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-222			
334	Lê Thị	Hương	12/6/1998	Nữ	E	Việt Nam	Bắc Giang	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	222	Chính quy	B940956	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-223			
335	Đặng Thị Ngọc	Khánh	22/8/1998	Nữ	E	Việt Nam	Hà Nội	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	223	Chính quy	B940957	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-224			
336	Nguyễn Thị	Lan	25/6/1998	Nữ	E	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	224	Chính quy	B940958	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-225			
337	Đào Phương	Linh	02/7/1998	Nữ	E	Việt Nam	Hà Nội	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	225	Chính quy	B940959	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-226			
338	Lê Nhật	Linh	22/12/1998	Nữ	E	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	226	Chính quy	B940960	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-227			
339	Phạm Hải	Linh	19/3/1995	Nữ	E	Việt Nam	Hà Nội	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	227	Chính quy	B940961	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-228			
340	Lê Thị Minh	Lý	23/10/1998	Nữ	E	Việt Nam	Bắc Giang	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	228	Chính quy	B940962	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-229			
341	Nguyễn Thị Trà	Mi	06/7/1998	Nữ	E	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	229	Chính quy	B940963	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-230			
342	Lê Thị	Minh	01/7/1998	Nữ	E	Việt Nam	Hà Nội	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	230	Chính quy	B940964	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-231			
343	Nguyễn Thị Trà	My	16/6/1998	Nữ	E	Việt Nam	Bắc Giang	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	231	Chính quy	B940965	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-232			
344	Nguyễn Thị Trà	My	27/3/1998	Nữ	E	Việt Nam	Hà Nội	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Trung bình	232	Chính quy	B940966	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-233			
345	Phạm Thị Hòa	My	24/8/1998	Nữ	E	Việt Nam	Hà Nội	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	233	Chính quy	B940967	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-234			
346	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	09/9/1998	Nữ	E	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	234	Chính quy	B940968	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-235			
347	Giáp Văn	Nam	28/11/1998	Nam	E	Việt Nam	Bắc Giang	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	235	Chính quy	B940969	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-236			
348	Dương Thị Ánh	Ngọc	03/10/1997	Nữ	E	Việt Nam	Bắc Giang	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	236	Chính quy	B940970	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-237			
349	Vương Hồng	Ngọc	12/6/1998	Nữ	E	Việt Nam	Lạng Sơn	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	237	Chính quy	B940971	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-238			
350	Vương Thị	Ngọc	10/9/1998	Nữ	E	Việt Nam	Hà Nội	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	238	Chính quy	B940972	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-239			
351	Lê Thu	Phương	26/8/1998	Nữ	E	Việt Nam	Hà Nội	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	239	Chính quy	B940973	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-240			
352	Nguyễn Hoài	Phương	09/8/1998	Nữ	E	Việt Nam	Hà Nội	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Trung bình	240	Chính quy	B940974	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-241			
353	Nguyễn Thu	Phương	27/10/1995	Nữ	E	Việt Nam	Hà Nội	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	241	Chính quy	B940975	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-242			
354	Vũ Thị	Phương	27/9/1998	Nữ	E	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	242	Chính quy	B940976	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-243			

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Xếp hạng tốt nghiệp	Số TT	Hình thức đào tạo	Số hiệu bằng	Số quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp bằng số	Người nhận bằng ký nhận, ghi rõ họ tên		Ghi chú
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11		12	13	14	15	16(ký)	17 (Họ và tên)	18
355	Và Bá	Pó	06/6/1997	Nữ	E	Việt Nam	Nghệ An	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Trung bình	243	Chính quy	B1057890	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-244			
356	Dương Thị Kim	Quỳnh	24/11/1998	Nữ	E	Việt Nam	Hà Nội	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	244	Chính quy	B940978	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-245			
357	Nguyễn Thị	Thắm	07/9/1998	Nữ	E	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	245	Chính quy	B940979	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-246			
358	Thân Thị	Thu	26/9/1995	Nữ	E	Việt Nam	Bắc Giang	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	246	Chính quy	B940980	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-247			
359	Nguyễn Ngọc	Thúy	25/11/1998	Nữ	E	Việt Nam	Hà Nội	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	247	Chính quy	B940981	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-248			
360	Phạm Thị	Thúy	01/9/1998	Nữ	E	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	248	Chính quy	B940982	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-249			
361	Nguyễn Hương	Thùy	06/12/1998	Nữ	E	Việt Nam	Bắc Giang	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	249	Chính quy	B940983	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-250			
362	Vũ Việt	Thùy	23/11/1998	Nữ	E	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	250	Chính quy	B940984	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-251			
363	Lê Thị Thu	Trang	02/8/1998	Nữ	E	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	251	Chính quy	B940985	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-252			
364	Nguyễn Thị Hà	Trang	22/10/1998	Nữ	E	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	252	Chính quy	B940986	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-253			
365	Nguyễn Thị Huyền	Trang	22/6/1998	Nữ	E	Việt Nam	Hà Nội	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	253	Chính quy	B940987	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-254			
366	Trần Thị	Trang	13/8/1998	Nữ	E	Việt Nam	Hà Nội	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	254	Chính quy	B940988	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-255			
367	Nguyễn Thị	Vân	24/01/1998	Nữ	E	Việt Nam	Bắc Giang	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	255	Chính quy	B940989	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-256			
368	Vương Thị	Viện	01/02/1998	Nữ	E	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Giỏi	256	Chính quy	B940990	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-257			
369	Nguyễn Thị Hải	Yến	27/4/1998	Nữ	E	Việt Nam	Hà Nội	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	257	Chính quy	B940991	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-258			
370	Hoàng Thu	Ngân	31/8/1997	Nữ	E	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Tiểu học	Khá	258	Chính quy	B940992	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-259			
371	Đào Thị Hồng	Anh	22/4/1998	Nữ	A	Việt Nam	Hà Nội	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	259	Chính quy	B1052795	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-260			
372	Nguyễn Thị Thu	Anh	12/5/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	260	Chính quy	B1052796	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-261			
373	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/12/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	261	Chính quy	B1052797	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-262			
374	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	15/3/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	262	Chính quy	B1052798	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-263			
375	Nguyễn Thị Hương	Giang	21/3/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Giỏi	263	Chính quy	B1052799	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-264			
376	Lê Hồng	Hà	16/4/1998	Nữ	A	Việt Nam	Hà Nội	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	264	Chính quy	B1052800	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-265			
377	Nguyễn Bích	Hào	26/11/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Trung bình	265	Chính quy	B1052801	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-266			
378	Nguyễn Thị	Hạnh	08/10/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	266	Chính quy	B1052802	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-267			
379	Nguyễn Thị	Hằng	10/9/1997	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	267	Chính quy	B1052803	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-268			
380	Đỗ Thị	Hiền	23/02/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	268	Chính quy	B1052804	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-269			
381	Phạm Thị Thanh	Hiền	19/9/1996	Nữ	A	Việt Nam	Hà Nội	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	269	Chính quy	B1052805	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-270			
382	Ngô Thị	Hoài	23/12/1997	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Giỏi	270	Chính quy	B1052806	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-271			
383	Nguyễn Thị Phương	Hồng	19/11/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	271	Chính quy	B1052807	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-272			
384	Trần Thị	Hợp	21/9/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	272	Chính quy	B1052808	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-273			
385	Nguyễn Thị Kim	Huế	27/6/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	273	Chính quy	B1052809	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-274			
386	Sái Thị Minh	Huế	18/7/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	274	Chính quy	B1052810	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-275			
387	Nguyễn Thị	Hương	12/11/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	275	Chính quy	B1052811	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-276			
388	Vũ Thị	Hương	14/02/1997	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Trung bình	276	Chính quy	B1052812	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-277			
389	Dương Thị	Là	20/11/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	277	Chính quy	B1052813	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-278			
390	Phan Thị	Lệ	23/02/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	278	Chính quy	B1052814	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-279			
391	Nguyễn Thị	Luyến	16/4/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	279	Chính quy	B1052815	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-280			
392	Đinh Thị	Lý	16/02/1997	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	280	Chính quy	B1052816	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-281			
393	Nguyễn Thị	Mai	11/9/1997	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	281	Chính quy	B1052817	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-282			
394	Nguyễn Thị	Mai	25/02/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	282	Chính quy	B1058001	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-283			
395	Trần Thị	Mai	16/10/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	283	Chính quy	B1058002	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-284			
396	Đào Thị	Nga	05/6/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	284	Chính quy	B1058003	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-285			

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Xếp hạng tốt nghiệp	Số TT	Hình thức đào tạo	Số hiệu bằng	Số quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp bằng số	Người nhận bằng ký nhận, ghi rõ họ tên		Ghi chú
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11		12	13	14	15	16(ký)	17 (Họ và tên)	18
397	Nguyễn Thị	Nga	28/10/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	285	Chính quy	B1058004	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-286			
398	Phạm Thị Hồng	Ngát	05/10/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	286	Chính quy	B1058005	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-287			
399	Nguyễn Khánh	Ngân	07/9/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Trung bình	287	Chính quy	B1058006	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-288			
400	Nguyễn Thị	Nhị	12/01/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	288	Chính quy	B1058007	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-289			
401	Phạm Thị	Nhung	15/01/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	289	Chính quy	B1058008	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-290			
402	Nguyễn Thị	Phuong	08/12/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	290	Chính quy	B1058009	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-291			
403	Nguyễn Thị	Phuong	29/10/1997	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	291	Chính quy	B1058010	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-292			
404	Nguyễn Thị Thu	Phuong	25/10/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	292	Chính quy	B1058011	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-293			
405	Nguyễn Thị	Quyên	23/02/1997	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	293	Chính quy	B1058012	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-294			
406	Lê Thị Như	Quỳnh	15/5/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	294	Chính quy	B1058013	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-295			
407	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	04/11/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	295	Chính quy	B1058014	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-296			
408	Lê Thị	Soan	20/5/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	296	Chính quy	B1058015	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-297			
409	Lê Thị	Thảo	21/9/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	297	Chính quy	B1058016	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-298			
410	Lê Thị Phương	Thảo	23/10/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	298	Chính quy	B1058017	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-299			
411	Nguyễn Thị	Thảo	25/9/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	299	Chính quy	B1058018	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-300			
412	Trần Thị	Thùy	29/12/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	300	Chính quy	B1058019	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-301			
413	Bùi Thị Ngọc	Tuyết	22/10/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	301	Chính quy	B1058020	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-302			
414	Phạm Thị	Tú	24/8/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Giỏi	302	Chính quy	B1058021	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-303			
415	Nguyễn Hải	Trang	28/9/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	303	Chính quy	B1058022	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-304			
416	Nguyễn Thị	Trang	01/01/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	304	Chính quy	B1058023	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-305			
417	Nguyễn Thị	Trang	06/8/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	305	Chính quy	B1058024	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-306			
418	Nguyễn Thị	Trang	07/10/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	306	Chính quy	B1058025	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-307			
419	Nguyễn Thị Huyền	Trang	18/6/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	307	Chính quy	B1058026	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-308			
420	Nguyễn Thị Thùy	Trang	27/6/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	308	Chính quy	B1058027	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-309			
421	Nguyễn Ngọc	Trinh	03/12/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	309	Chính quy	B1058028	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-310			
422	Nguyễn Thị	Xoan	08/12/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	310	Chính quy	B1058029	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-311			
423	Đặng Thị	Xuân	20/12/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	311	Chính quy	B1058030	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-312			
424	Bùi Thị	Yến	20/01/1997	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	312	Chính quy	B1058031	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-313			
425	Nguyễn Thị Hải	Yến	07/02/1998	Nữ	A	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	313	Chính quy	B1058032	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-314			
426	Nguyễn Thị Vân	Anh	12/11/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	314	Chính quy	B1057353	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-315			
427	Bùi Thị Nhật	Ánh	12/3/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	315	Chính quy	B1057354	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-316			
428	Nguyễn Thị	Ánh	17/10/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Giỏi	316	Chính quy	B1057355	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-317			
429	Nhữ Thị	Bích	26/8/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	317	Chính quy	B1057356	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-318			
430	Bùi Thị	Chung	26/12/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Giỏi	318	Chính quy	B1057357	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-319			
431	Nguyễn Thị	Chuyên	08/01/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	319	Chính quy	B1057358	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-320			
432	Phạm Thị	Dinh	15/9/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	320	Chính quy	B1057359	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-321			
433	Nguyễn Thị	Dung	15/5/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	321	Chính quy	B1057360	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-322			
434	Quách Thị Thùy	Dương	22/8/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	322	Chính quy	B1057361	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-323			
435	Trần Thị	Dương	18/12/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Giỏi	323	Chính quy	B1057362	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-324			
436	Nguyễn Thị	Đon	07/8/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	324	Chính quy	B1057363	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-325			
437	Vũ Minh	Giang	24/9/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	325	Chính quy	B1057364	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-326			
438	Nguyễn Thị	Hạnh	22/01/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	326	Chính quy	B1057365	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-327			

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Xếp hạng tốt nghiệp	Số TT	Hình thức đào tạo	Số hiệu bằng	Số quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp bằng số	Người nhận bằng ký nhận, ghi rõ họ tên		Ghi chú
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11		12	13	14	15	16(ký)	17 (Họ và tên)	18
439	Nguyễn Thị Thu	Hằng	21/11/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	327	Chính quy	B1057366	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-328			
440	Nguyễn Thị	Hậu	10/7/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	328	Chính quy	B1057367	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-329			
441	Phan Thị	Hoa	07/7/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	329	Chính quy	B1057368	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-330			
442	Vũ Thị	Hoạt	24/8/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Giỏi	330	Chính quy	B1057369	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-331			
443	Nguyễn Thị	Huyền	24/7/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Giỏi	331	Chính quy	B1057370	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-332			
444	Lại Thị	Hương	07/5/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	332	Chính quy	B1057371	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-333			
445	Nguyễn Thu	Hương	29/10/1997	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	333	Chính quy	B1057372	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-334			
446	Trần Thị	Hương	25/01/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	334	Chính quy	B1057373	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-335			
447	Nguyễn Thị	Hường	10/02/1997	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Giỏi	335	Chính quy	B1057374	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-336			
448	Nguyễn Thị Thu	Hường	29/10/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	336	Chính quy	B1057375	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-337			
449	Nguyễn Thị	Liên	05/10/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	337	Chính quy	B1057376	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-338			
450	Nguyễn Thị	Ly	26/6/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	338	Chính quy	B1057377	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-339			
451	Trịnh Thị Tuyết	Mai	16/12/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	339	Chính quy	B1057378	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-340			
452	Nguyễn Trà	My	10/7/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	340	Chính quy	B1057379	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-341			
453	Lê Thị Bích	Ngọc	14/12/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	341	Chính quy	B1057380	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-342			
454	Lưu Thị	Ngọc	20/8/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	342	Chính quy	B1057381	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-343			
455	Nguyễn Thị	Oanh	15/10/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	343	Chính quy	B1057382	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-344			
456	Trần Thị	Phúc	01/10/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	344	Chính quy	B1057383	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-345			
457	Nguyễn Thị	Phượng	12/5/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Giỏi	345	Chính quy	B1057384	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-346			
458	Nguyễn Thị Phương	Quỳnh	26/3/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	346	Chính quy	B1057385	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-347			
459	Trần Thị Ngọc	Quỳnh	18/9/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	347	Chính quy	B1057386	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-348			
460	Ngô Thị Hồng	Thanh	21/7/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	348	Chính quy	B1057387	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-349			
461	Nguyễn Thị	Thanh	23/9/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	349	Chính quy	B1057388	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-350			
462	Nguyễn Kim	Thoa	12/4/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	350	Chính quy	B1057389	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-351			
463	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	03/4/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Trung bình	351	Chính quy	B1057390	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-352			
464	Chu Thị Thanh	Toàn	16/6/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	352	Chính quy	B1057391	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-353			
465	Trần Thị	Tuyết	26/11/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	353	Chính quy	B1057392	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-354			
466	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	23/12/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	354	Chính quy	B1057393	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-355			
467	Dương Minh	Tú	20/6/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	355	Chính quy	B1057394	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-356			
468	Nguyễn Thị	Trang	26/7/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	356	Chính quy	B1057395	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-357			
469	Nguyễn Thị Huyền	Trang	05/9/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	357	Chính quy	B1057396	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-358			
470	Vũ Thị	Trang	05/4/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	358	Chính quy	B1057397	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-359			
471	Nguyễn Thị Kiều	Trình	12/11/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	359	Chính quy	B1057398	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-360			
472	Đặng Thị	Yến	25/3/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	360	Chính quy	B1057399	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-361			
473	Nguyễn Thị Hải	Yến	13/7/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	361	Chính quy	B1057400	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-362			
474	Trần Hải	Yến	10/8/1998	Nữ	B	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	362	Chính quy	B1057901	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-363			
475	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	07/01/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Giỏi	363	Chính quy	B1057902	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-364			
476	Nguyễn Thị Thế	Anh	29/10/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	364	Chính quy	B1057903	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-365			
477	Nguyễn Thị Vân	Anh	24/10/1997	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	365	Chính quy	B1057904	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-366			
478	Nguyễn Vân	Anh	21/9/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Giỏi	366	Chính quy	B1057905	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-367			
479	Trần Thị Kiều	Anh	04/02/1997	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	367	Chính quy	B1057906	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-368			
480	Nguyễn Thị	Ánh	21/12/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	368	Chính quy	B1057907	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-369			

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Xếp hạng tốt nghiệp	Số TT	Hình thức đào tạo	Số hiệu bằng	Số quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp bằng số	Người nhận bằng ký nhận, ghi rõ họ tên		Ghi chú
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11		12	13	14	15	16(ký)	17 (Họ và tên)	18
481	Trịnh Thị	Bút	21/11/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	369	Chính quy	B1057908	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-370			
482	Nguyễn Thị	Chiều	18/3/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	370	Chính quy	B1057909	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-371			
483	Nguyễn Thị	Điệp	22/12/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	371	Chính quy	B1057910	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-372			
484	Lưu Thị	Hạnh	07/7/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	372	Chính quy	B1057911	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-373			
485	Phạm Thị	Hậu	15/9/1995	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	373	Chính quy	B1057912	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-374			
486	Nguyễn Thị	Hiền	22/10/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	374	Chính quy	B1057913	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-375			
487	Nguyễn Thị Thu	Hiền	22/9/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	375	Chính quy	B1057914	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-376			
488	Nguyễn Thị Thu	Hoài	14/5/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	376	Chính quy	B1057915	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-377			
489	Nguyễn Thị	Hồng	30/8/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	377	Chính quy	B1057916	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-378			
490	Ngô Thị Thanh	Huyền	12/12/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	378	Chính quy	B1057917	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-379			
491	Nguyễn Thị	Huyền	03/8/1995	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	379	Chính quy	B1057918	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-380			
492	Nguyễn Kim	Hương	28/02/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Giỏi	380	Chính quy	B1057919	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-381			
493	Nguyễn Mai	Hương	06/12/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	381	Chính quy	B1057920	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-382			
494	Đặng Thị Thu	Hường	19/8/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	382	Chính quy	B1057921	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-383			
495	Nguyễn Thị	Lan	16/11/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	383	Chính quy	B1057922	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-384			
496	Nguyễn Thị	Lành	16/6/1996	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	384	Chính quy	B1057923	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-385			
497	Trần Thị Thanh	Mai	18/11/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	385	Chính quy	B1057924	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-386			
498	Quách Thị Hoài	Nam	09/02/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	386	Chính quy	B1057925	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-387			
499	Nguyễn Thị	Nga	27/3/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	387	Chính quy	B1057926	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-388			
500	Nguyễn Thị	Ngọc	02/11/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	388	Chính quy	B1057927	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-389			
501	Nguyễn Thị	Ngọc	11/9/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	389	Chính quy	B1057928	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-390			
502	Nguyễn Thị	Ngọc	28/9/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	390	Chính quy	B1057929	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-391			
503	Nguyễn Thị	Nhung	7/12/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	391	Chính quy	B1057930	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-392			
504	Nguyễn Thị	Quý	28/9/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Giỏi	392	Chính quy	B1057931	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-393			
505	Nguyễn Thị Thu	Thanh	27/10/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	393	Chính quy	B1057932	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-394			
506	Ngô Thị	Thành	08/01/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Giỏi	394	Chính quy	B1057933	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-395			
507	Nguyễn Thị	Thảo	06/01/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Giỏi	395	Chính quy	B1057934	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-396			
508	Tăng Thị	Thắm	16/10/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	396	Chính quy	B1057935	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-397			
509	Nguyễn Thị	Thoa	12/8/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Giỏi	397	Chính quy	B1057936	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-398			
510	Phạm Thị	Thoa	19/10/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	398	Chính quy	B1057937	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-399			
511	Tổng Thị Minh	Thúy	22/02/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	399	Chính quy	B1057938	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-400			
512	Trần Thị	Thúy	19/5/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	400	Chính quy	B1057939	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-401			
513	Nguyễn Thị	Trang	15/8/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	401	Chính quy	B1057940	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-402			
514	Lương Thị	Vân	12/9/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Trung bình	402	Chính quy	B1057941	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-403			
515	Ngô Thị	Vân	30/8/1997	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Giỏi	403	Chính quy	B1057942	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-404			
516	Đào Thị Thu	Yến	13/4/1998	Nữ	C	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	404	Chính quy	B1057943	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-405			
517	Vũ Thị	An	16/10/1997	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	405	Chính quy	B1057944	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-406			
518	Nguyễn Phương	Anh	03/9/1998	Nữ	D	Việt Nam	Hà Nội	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	406	Chính quy	B1057945	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-407			
519	Phạm Thị Thùy	Dinh	09/9/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	407	Chính quy	B1057946	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-408			
520	Kiều Thị	Dung	01/01/1998	Nữ	D	Việt Nam	Nghệ An	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	408	Chính quy	B1057947	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-409			
521	Nguyễn Thùy	Dương	24/8/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	409	Chính quy	B1057948	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-410			
522	Nguyễn Thị Thu	Hà	13/10/1998	Nữ	D	Việt Nam	Hà Nội	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	410	Chính quy	B1057949	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-411			

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Xếp hạng tốt nghiệp	Số TT	Hình thức đào tạo	Số hiệu bằng	Số quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp bằng số	Người nhận bằng ký nhận, ghi rõ họ tên		Ghi chú
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11		12	13	14	15	16(ký)	17 (Họ và tên)	18
523	Đỗ Thị Hải	Hạnh	25/9/1996	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	411	Chính quy	B1057950	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-412			
524	Chu Thị	Hiền	23/12/1998	Nữ	D	Việt Nam	Quảng Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Giỏi	412	Chính quy	B1057951	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-413			
525	Hoàng Thị	Hoa	03/4/1997	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Kạn	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	413	Chính quy	B1057952	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-414			
526	Nguyễn Thị	Hoa	12/10/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	414	Chính quy	B1057953	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-415			
527	Lê Thị	Hồng	01/11/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	415	Chính quy	B1057954	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-416			
528	Nghiêm Thị	Huệ	16/5/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Trung bình	416	Chính quy	B1057955	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-417			
529	Nguyễn Thu	Hương	03/8/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	417	Chính quy	B1057956	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-418			
530	Nguyễn Thị	Lan	10/6/1994	Nữ	D	Việt Nam	Thanh Hóa	2016-2019	2019	GD Mầm non	Giỏi	418	Chính quy	B1057957	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-419			
531	Nguyễn Thị	Lê	21/02/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	419	Chính quy	B1057958	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-420			
532	Hoàng Thị	Liên	03/11/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	420	Chính quy	B1057959	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-421			
533	Doanh Thị Mỹ	Linh	20/9/1997	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Kạn	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	421	Chính quy	B1057960	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-422			
534	Trần Mỹ	Linh	19/5/1994	Nữ	D	Việt Nam	Ninh Bình	2016-2019	2019	GD Mầm non	Giỏi	422	Chính quy	B1057961	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-423			
535	Lê Thị	Mát	28/11/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	423	Chính quy	B1057962	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-424			
536	Đoàn Thị Thúy	Ngân	23/9/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Trung bình	424	Chính quy	B1057963	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-425			
537	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	20/11/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	425	Chính quy	B1057964	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-426			
538	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	23/01/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Giỏi	426	Chính quy	B1057965	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-427			
539	Nghiêm Thị	Nhi	09/11/1997	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Giỏi	427	Chính quy	B1057966	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-428			
540	Nguyễn Thị	Nhiên	03/9/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Giỏi	428	Chính quy	B1057967	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-429			
541	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	16/11/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	429	Chính quy	B1057968	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-430			
542	Nguyễn Kiều	Oanh	29/01/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Trung bình	430	Chính quy	B1057969	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-431			
543	Vũ Thị Thảo	Phuong	13/7/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	431	Chính quy	B1057970	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-432			
544	Lê Thị Như	Quỳnh	27/10/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	432	Chính quy	B1057971	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-433			
545	Nguyễn Thị Thu	Thảo	07/10/1997	Nữ	D	Việt Nam	Phú Thọ	2016-2019	2019	GD Mầm non	Giỏi	433	Chính quy	B1057972	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-434			
546	Vũ Phương	Thảo	29/7/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	434	Chính quy	B1057973	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-435			
547	Lê Thị	Thu	23/9/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	435	Chính quy	B1057974	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-436			
548	Hà Thị Thanh	Thúy	13/12/1997	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Giang	2016-2019	2019	GD Mầm non	Trung bình	436	Chính quy	B1057975	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-437			
549	Nghiêm Thị	Thủy	25/11/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Trung bình	437	Chính quy	B1057976	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-438			
550	Phạm Thị Linh	Trang	01/9/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	438	Chính quy	B1057977	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-439			
551	Trương Thị	Xuân	05/10/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Giang	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	439	Chính quy	B1057978	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-440			
552	Đoàn Thị Hải	Yên	01/10/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	440	Chính quy	B1057979	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-441			
553	Lê Thị	Yên	23/9/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	441	Chính quy	B1057980	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-442			
554	Nguyễn Thị Hải	Yên	03/7/1998	Nữ	D	Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	GD Mầm non	Giỏi	442	Chính quy	B1057981	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-443			
555	Trần Thị Mỹ	Linh	18/7/1996	Nữ	D	Việt Nam	Nghệ An	2016-2019	2019	GD Mầm non	Khá	443	Chính quy	B1057982	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-444			
556	Trần Thị	Chung	14/5/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Ngữ Văn	Khá	444	Chính quy	B820178	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-445			
557	Phan Thị Thu	Đông	06/01/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Ngữ Văn	Giỏi	445	Chính quy	B820179	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-446			
558	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	14/11/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Ngữ Văn	Khá	446	Chính quy	B820180	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-447			
559	Trần Thanh	Hoài	12/9/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Ngữ Văn	Giỏi	447	Chính quy	B820181	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-448			
560	Nguyễn Thị Thu	Hoàn	27/01/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Ngữ Văn	Khá	448	Chính quy	B820182	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-449			
561	Đào Thị	Huyền	12/7/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Ngữ Văn	Khá	449	Chính quy	B820183	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-450			
562	Lương Thanh	Huyền	11/8/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Ngữ Văn	Khá	450	Chính quy	B820184	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-451			
563	Nguyễn Thị Thúy	Hường	11/8/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Ngữ Văn	Khá	451	Chính quy	B820185	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-452			
564	Vũ Thị Ngọc	Lan	13/12/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Ngữ Văn	Khá	452	Chính quy	B820186	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-453			

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Xếp hạng tốt nghiệp	Số TT	Hình thức đào tạo	Số hiệu bằng	Số quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp bằng số	Người nhận bằng ký nhận, ghi rõ họ tên		Ghi chú
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11		12	13	14	15	16(ký)	17 (Họ và tên)	18
565	Nguyễn Thị	Loan	13/11/1996	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Ngữ Văn	Khá	453	Chính quy	B820187	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-454			
566	Nguyễn Thị	Lự	19/5/1988	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Ngữ Văn	Giỏi	454	Chính quy	B820188	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-455			
567	Phạm Thị	Oanh	08/12/1989	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Ngữ Văn	Khá	455	Chính quy	B820189	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-456			
568	Nguyễn Thị	Quỳnh	30/5/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Ngữ Văn	Khá	456	Chính quy	B820190	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-457			
569	Nguyễn Thị	Thu	26/6/1996	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Ngữ Văn	Khá	457	Chính quy	B820191	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-458			
570	Nguyễn Thị	Tuyết	09/3/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Ngữ Văn	Khá	458	Chính quy	B820192	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-459			
571	Ngô Thị Hồng	Tươi	13/01/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Ngữ Văn	Giỏi	459	Chính quy	B820193	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-460			
572	Nguyễn Ngọc	Anh	07/4/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Toán học	Khá	460	Chính quy	B820194	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-461			
573	Trương Thị Lan	Anh	01/9/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Toán học	Giỏi	461	Chính quy	B820195	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-462			
574	Phạm Thị	Ánh	22/5/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Toán học	Giỏi	462	Chính quy	B820196	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-463			
575	Nguyễn Thị	Dinh	18/5/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Toán học	Giỏi	463	Chính quy	B820197	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-464			
576	Nguyễn Tuyền	Đạt	11/7/1997	Nam		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Toán học	Giỏi	464	Chính quy	B820198	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-465			
577	Nguyễn Đăng	Đoàn	17/5/1998	Nam		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Toán học	Khá	465	Chính quy	B820199	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-466			
578	Đỗ Thị Hà	Giang	15/6/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Toán học	Khá	466	Chính quy	B820200	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-467			
579	Trần Thị	Hải	30/5/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Toán học	Giỏi	467	Chính quy	B1052748	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-468			
580	Nguyễn Thị	Hằng	11/02/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Toán học	Khá	468	Chính quy	B1052749	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-469			
581	Nguyễn Thị	Huyền	10/6/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Toán học	Khá	469	Chính quy	B1052750	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-470			
582	Đàm Sinh	Hường	11/12/1998	Nam		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Toán học	Khá	470	Chính quy	B1052751	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-471			
583	Đào Thị	Lan	07/3/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Toán học	Giỏi	471	Chính quy	B1052752	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-472			
584	Đào Tuyết	Lan	03/6/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Toán học	Khá	472	Chính quy	B1052753	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-473			
585	Vũ Thị	Lân	21/4/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Toán học	Khá	473	Chính quy	B1052754	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-474			
586	Nguyễn Thị	Loan	30/12/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Toán học	Giỏi	474	Chính quy	B1052755	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-475			
587	Lê Văn	Lợi	13/5/1998	Nam		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Toán học	Khá	475	Chính quy	B1052756	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-476			
588	Đỗ Hồng	Minh	04/02/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Toán học	Khá	476	Chính quy	B1052757	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-477			
589	Nguyễn Bích	Ngọc	10/10/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Toán học	Khá	477	Chính quy	B1052758	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-478			
590	Nguyễn Thị	Nhung	11/01/1998	Nữ		Việt Nam	Hà Nội	2016-2019	2019	SP Toán học	Giỏi	478	Chính quy	B1052759	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-479			
591	Nghiêm Thị	Oanh	27/10/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Toán học	Khá	479	Chính quy	B1052760	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-480			
592	Đinh Thị	Phương	04/5/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Toán học	Khá	480	Chính quy	B1052761	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-481			
593	Ngô Minh	Quang	19/5/1998	Nam		Việt Nam	Hà Nội	2016-2019	2019	SP Toán học	Khá	481	Chính quy	B1052762	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-482			
594	Nguyễn Thùy	Quyên	12/4/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Toán học	Khá	482	Chính quy	B1052763	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-483			
595	Nguyễn Quang	Son	21/3/1997	Nam		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Toán học	Khá	483	Chính quy	B1057889	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-484			
596	Nguyễn Phương	Thảo	18/9/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Toán học	Giỏi	484	Chính quy	B1052765	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-485			
597	Đinh Ngọc	Thịnh	10/01/1998	Nam		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Toán học	Khá	485	Chính quy	B1052766	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-486			
598	Nguyễn Thị	Thom	08/9/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Toán học	Khá	486	Chính quy	B1052767	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-487			
599	Nguyễn Thị	Thúy	10/11/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Toán học	Giỏi	487	Chính quy	B1052768	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-488			
600	Lê Thị	Thủy	26/8/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Toán học	Giỏi	488	Chính quy	B1052769	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-489			
601	Nguyễn Hữu	Tùng	06/4/1998	Nam		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Toán học	Giỏi	489	Chính quy	B1052770	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-490			
602	Nguyễn Văn	Trung	09/10/1998	Nam		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Toán học	Khá	490	Chính quy	B1052771	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-491			
603	Lê Vân	Anh	14/4/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Tiếng anh	Khá	491	Chính quy	B1052772	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-492			
604	Nguyễn Thị	Châm	16/6/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Tiếng anh	Khá	492	Chính quy	B1052773	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-493			
605	Nguyễn Thị	Chi	01/3/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Tiếng anh	Khá	493	Chính quy	B1052774	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-494			
606	Nguyễn Thị Hương	Giang	06/7/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Tiếng anh	Giỏi	494	Chính quy	B1052775	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-495			

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Xếp hạng tốt nghiệp	Số TT	Hình thức đào tạo	Số hiệu bằng	Số quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp bằng số	Người nhận bằng ký nhận, ghi rõ họ tên		Ghi chú
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11		12	13	14	15	16(ký)	17 (Họ và tên)	18
607	Phạm Thị Mai	Hoa	07/6/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Tiếng anh	Khá	495	Chính quy	B1052776	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-496			
608	Nguyễn Thị	Hoa	28/8/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Tiếng anh	Trung bình	496	Chính quy	B1052777	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-497			
609	Nguyễn Thị Thu	Hòa	17/12/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Tiếng anh	Khá	497	Chính quy	B1052778	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-498			
610	Nguyễn Thu	Hoài	05/11/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Tiếng anh	Khá	498	Chính quy	B1052779	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-499			
611	Trần Thị Thu	Hoài	16/11/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Tiếng anh	Khá	499	Chính quy	B1052780	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-500			
612	Nguyễn Thúy	Hường	04/01/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Tiếng anh	Khá	500	Chính quy	B1052781	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-501			
613	Ngô Thị Thanh	Huyền	18/11/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Tiếng anh	Khá	501	Chính quy	B1052782	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-502			
614	Nguyễn Hữu	Khải	05/12/1998	Nam		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Tiếng anh	Khá	502	Chính quy	B1052783	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-503			
615	Đào Thị Thùy	Linh	26/9/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Tiếng anh	Khá	503	Chính quy	B1052784	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-504			
616	Nguyễn Thị	Luyến	02/02/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Tiếng anh	Khá	504	Chính quy	B1052785	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-505			
617	Dương Thị Hồng	Lý	14/10/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Tiếng anh	Khá	505	Chính quy	B1052786	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-506			
618	Nguyễn Thị	Nhung	15/7/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Tiếng anh	Khá	506	Chính quy	B1052787	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-507			
619	Đặng Thị	Phương	21/6/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Tiếng anh	Khá	507	Chính quy	B1052788	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-508			
620	Phạm Thị	Thanh	12/6/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Tiếng anh	Khá	508	Chính quy	B1052789	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-509			
621	Đỗ Thị	Thùy	13/7/1990	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Tiếng anh	Khá	509	Chính quy	B1052790	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-510			
622	Nguyễn Thị Huyền	Trang	03/4/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Tiếng anh	Trung bình	510	Chính quy	B1052791	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-511			
623	Đặng Thu	Trang	21/8/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Tiếng anh	Khá	511	Chính quy	B1052792	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-512			
624	Nguyễn Thị	Trang	27/7/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Tiếng anh	Khá	512	Chính quy	B1052793	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-513			
625	Nguyễn Thị	Yến	01/8/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Tiếng anh	Khá	513	Chính quy	B1052794	Số QĐ 200/CĐSP (24/5/2019)	K36-514			
626	Âu Hạnh	Ngân	24/02/1998	Nữ		Việt Nam	Hà Nội	2016-2019	2019	SP Ngữ Văn	Trung bình	514	Chính quy	B1057784	Số QĐ 271/CĐSP (04/7/2019)	K36-516			
627	Nông Thị	Liên	02/9/1994	Nữ		Việt Nam	Cao Bằng	2016-2019	2019	SP Ngữ Văn	Trung bình	515	Chính quy	B1057765	Số QĐ 266/CĐSP (27/6/2019)	K36-515			
628	Trương Ngọc	Quỳnh	31/3/1995	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	1	Chính quy	B1057766	Số 258/QĐ-CĐSP (20/6)	K33-691			
629	Hoàng Thị Thu	Trang	16/9/1996	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	2	Chính quy	B1057767	Số 258/QĐ-CĐSP (20/6)	K35-392			
630	Trịnh Thị Hồng	Hà	28/02/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	3	Chính quy	B1057768	Số 258/QĐ-CĐSP (20/6)	K35-393			
631	Lê Thị Anh	Thư	14/11/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	4	Chính quy	B1057769	Số 258/QĐ-CĐSP (20/6)	K35-394			
632	Nguyễn Thị Lan	Hương	16/10/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	5	Chính quy	B1057770	Số 258/QĐ-CĐSP (20/6)	K35-395			
633	Nguyễn Thủy	Tiên	17/12/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	6	Chính quy	B1057771	Số 258/QĐ-CĐSP (20/6)	K35-396			
634	Ngô Thị Thanh	Huyền	18/11/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	7	Chính quy	B1057772	Số 258/QĐ-CĐSP (20/6)	K36-516			
635	Phạm Thị	Ánh	22/5/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Giỏi	8	Chính quy	B1057773	Số 258/QĐ-CĐSP (20/6)	K36-517			
636	Nguyễn Thị	Hằng	11/02/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	9	Chính quy	B1057774	Số 258/QĐ-CĐSP (20/6)	K36-518			
637	Nguyễn Thùy	Quyên	12/4/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	10	Chính quy	B1057775	Số 258/QĐ-CĐSP (20/6)	K36-519			
638	Nguyễn Ngọc	Anh	07/4/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	11	Chính quy	B1057776	Số 258/QĐ-CĐSP (20/6)	K36-520			
639	Trần Thanh	Hoài	12/9/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Giỏi	12	Chính quy	B1057777	Số 258/QĐ-CĐSP (20/6)	K36-521			
640	Nguyễn Thị Kim	Anh	03/12/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	13	Chính quy	B1057778	Số 258/QĐ-CĐSP (20/6)	K35-397			
641	Nguyễn Thị	Nhan	11/7/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	14	Chính quy	B1057779	Số 258/QĐ-CĐSP (20/6)	K35-398			
642	Đinh Thị Mỹ	Ninh	25/7/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	15	Chính quy	B1057780	Số 258/QĐ-CĐSP (20/6)	K35-399			
643	Nguyễn Bích	Ngọc	10/10/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	16	Chính quy	B1057781	Số 258/QĐ-CĐSP (20/6)	K36-522			
644	Nghiêm Thị	Oanh	27/10/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	17	Chính quy	B1057782	Số 258/QĐ-CĐSP (20/6)	K36-523			
645	Vũ Việt	Thùy	23/11/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Giỏi	18	Chính quy	B1057783	Số 258/QĐ-CĐSP (20/6)	K36-524			
646	Nguyễn Phương	Thảo	18/9/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	19	Chính quy	B1057785	Số 258/QĐ-CĐSP (20/6)	K36-525			
647	Nguyễn Thị	Thúy	10/11/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Giỏi	20	Chính quy	B1057786	Số 258/QĐ-CĐSP (20/6)	K36-526			
648	Lê Khánh	Huyền	30/11/1996	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	1	Chính quy	B1057681	Số 326/QĐ-CĐSP (02/8)	K34-470			
649	Nguyễn Hồng	Phương	27/9/1997	Nam		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	2	Chính quy	B1057682	Số 326/QĐ-CĐSP (02/8)	K35-400			
650	Đào Thị	Lan	07/3/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	3	Chính quy	B1057683	Số 326/QĐ-CĐSP (02/8)	K36-528			
651	Đỗ Thị Hà	Giang	15/6/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	4	Chính quy	B1057684	Số 326/QĐ-CĐSP (02/8)	K36-529			
652	Bùi Thùy	Dung	11/11/1982	Nữ		Việt Nam	Bắc Giang	2017-2019	2019	SP Mầm non	Khá	1	Chính quy	B779651	Số QĐ 198 (24/5/2019)	K17-62			

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Xếp hạng tốt nghiệp	Số TT	Hình thức đào tạo	Số hiệu bằng	Số quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp bằng số	Người nhận bằng ký nhận, ghi rõ họ tên		Ghi chú
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11		12	13	14	15	16(ký)	17 (Họ và tên)	18
653	Nguyễn Thị Thanh	Hà	14/12/1999	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2017-2019	2019	SP Mầm non	Khá	2	Chính quy	B779652	Số QĐ 198 (24/5/2019)	K17-63			
654	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	21/6/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2017-2019	2019	SP Mầm non	Khá	3	Chính quy	B779653	Số QĐ 198 (24/5/2019)	K17-64			
655	Hoàng Thị	Hiền	15/11/1999	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2017-2019	2019	SP Mầm non	Khá	4	Chính quy	B779654	Số QĐ 198 (24/5/2019)	K17-65			
656	Nguyễn Thị	Hồng	02/3/1997	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2017-2019	2019	SP Mầm non	Khá	5	Chính quy	B779655	Số QĐ 198 (24/5/2019)	K17-66			
657	Trần Thị	Huế	16/4/1999	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2017-2019	2019	SP Mầm non	Khá	6	Chính quy	B779656	Số QĐ 198 (24/5/2019)	K17-67			
658	Lê Thị	Huệ	01/02/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2017-2019	2019	SP Mầm non	Khá	7	Chính quy	B779657	Số QĐ 198 (24/5/2019)	K17-68			
659	Đặng Thị	Huyền	17/8/1996	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2017-2019	2019	SP Mầm non	Khá	8	Chính quy	B779658	Số QĐ 198 (24/5/2019)	K17-69			
660	Nguyễn Thị	Huyền	16/8/1996	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2017-2019	2019	SP Mầm non	Giỏi	9	Chính quy	B779659	Số QĐ 198 (24/5/2019)	K17-70			
661	Nguyễn Thị	Lệ	13/8/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2017-2019	2019	SP Mầm non	Khá	10	Chính quy	B779660	Số QĐ 198 (24/5/2019)	K17-71			
662	Lại Thị Huyền	Linh	11/12/1996	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2017-2019	2019	SP Mầm non	Khá	11	Chính quy	B779661	Số QĐ 198 (24/5/2019)	K17-72			
663	Nguyễn Hương	Ly	20/11/1999	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2017-2019	2019	SP Mầm non	Giỏi	12	Chính quy	B779662	Số QĐ 198 (24/5/2019)	K17-73			
664	Dương Thị	Mai	24/5/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2017-2019	2019	SP Mầm non	Khá	13	Chính quy	B779663	Số QĐ 198 (24/5/2019)	K17-74			
665	Nguyễn Thị Hằng	Nga	29/01/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2017-2019	2019	SP Mầm non	Khá	14	Chính quy	B779664	Số QĐ 198 (24/5/2019)	K17-75			
666	Trịnh Thị Hồng	Nhung	20/8/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2017-2019	2019	SP Mầm non	Giỏi	15	Chính quy	B779665	Số QĐ 198 (24/5/2019)	K17-76			
667	Đào Thị	Oanh	09/3/1999	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2017-2019	2019	SP Mầm non	Giỏi	16	Chính quy	B779666	Số QĐ 198 (24/5/2019)	K17-77			
668	Nguyễn Thị	Thảo	15/11/1999	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2017-2019	2019	SP Mầm non	Khá	17	Chính quy	B779667	Số QĐ 198 (24/5/2019)	K17-78			
669	Nguyễn Thị	Thơm	24/02/1999	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2017-2019	2019	SP Mầm non	Khá	18	Chính quy	B779668	Số QĐ 198 (24/5/2019)	K17-79			
670	Nguyễn Thị	Toan	22/4/1993	Nữ		Việt Nam	Lạng Sơn	2017-2019	2019	SP Mầm non	Giỏi	19	Chính quy	B779669	Số QĐ 198 (24/5/2019)	K17-80			
671	Đào Thị	Trang	23/6/1999	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2017-2019	2019	SP Mầm non	Khá	20	Chính quy	B779670	Số QĐ 198 (24/5/2019)	K17-81			
672	Ngô Thị	Trang	19/5/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2017-2019	2019	SP Mầm non	Khá	21	Chính quy	B779671	Số QĐ 198 (24/5/2019)	K17-82			
673	Nguyễn Thị	Tươi	05/9/1996	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2017-2019	2019	SP Mầm non	Khá	22	Chính quy	B779672	Số QĐ 198 (24/5/2019)	K17-83			
674	Nguyễn Thị	Uyên	02/5/1990	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2017-2019	2019	SP Mầm non	Giỏi	23	Chính quy	B779673	Số QĐ 198 (24/5/2019)	K17-84			
675	Hoàng Thị	Vân	03/3/1995	Nữ		Việt Nam	Bắc Kạn	2017-2019	2019	SP Mầm non	Khá	24	Chính quy	B779674	Số QĐ 198 (24/5/2019)	K17-85			
676	Nguyễn Thị	Xuân	02/12/1992	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2017-2019	2019	SP Mầm non	Giỏi	25	Chính quy	B779675	Số QĐ 198 (24/5/2019)	K17-86			
677	Nguyễn Thị Thu	Thảo	09/3/1995	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	SP Mầm non	Khá	26	Chính quy	B779676	QĐ số 199 (24/5/2019)	K17-88			
678	Nguyễn Thị	Tân	04/02/1986	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	SP Tiểu học	Khá	27	Chính quy	B779677	QĐ số 199 (24/5/2019)	K17-87			
679	Đỗ Thị Vân	Anh	26/10/1991	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Giỏi	1	Chính quy	B1057891	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-01			
680	Vũ Thị	Dương	21/3/1990	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	2	Chính quy	B1057892	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-02			
681	Nguyễn Thị	Hoa	10/5/1990	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	3	Chính quy	B1057893	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-03			
682	Vũ Thị	Hương	05/8/1990	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	4	Chính quy	B1057894	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-04			
683	Nguyễn Thị	Hương	23/8/1982	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	5	Chính quy	B1057895	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-05			
684	Nguyễn Thị	Huyền	11/3/1990	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	6	Chính quy	B1057896	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-06			
685	Phạm Thị	Lan	16/12/1989	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	7	Chính quy	B1057897	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-07			
686	Nguyễn Thị	Liên	26/7/1990	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	8	Chính quy	B1057898	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-08			
687	Nguyễn Thị	Liên	27/8/1989	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	9	Chính quy	B1057899	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-09			
688	Nguyễn Thị Hoa	May	29/11/1991	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	10	Chính quy	B1057900	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-10			
689	Nguyễn Thị	Nga	08/8/1995	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	11	Chính quy	B1057983	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-11			
690	Nguyễn Thị	Ngọc	18/11/1995	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	12	Chính quy	B1057984	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-12			
691	Nguyễn Thị	Nhung	05/3/1991	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	13	Chính quy	B1057985	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-13			
692	Nguyễn Thị	Phương	01/10/1995	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	14	Chính quy	B1057986	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-14			
693	Trần Thị Thanh	Phương	28/9/1994	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	15	Chính quy	B1057987	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-15			
694	Hoàng Thị	Quy	26/11/1990	Nữ		Việt Nam	Lạng Sơn		2019	GD Mầm non	Khá	16	Chính quy	B1057988	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-16			
695	Nguyễn Thị	Quyên	10/01/1989	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	17	Chính quy	B1057989	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-17			
696	Ngô Thị	Thắm	17/7/1990	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Giỏi	18	Chính quy	B1057990	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-18			
697	Nguyễn Thị	Thúy	19/7/1994	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	19	Chính quy	B1057991	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-19			
698	Nguyễn Thị	Vui	24/01/1992	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Mầm non	Khá	20	Chính quy	B1057992	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-20			

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Xếp hạng tốt nghiệp	Số TT	Hình thức đào tạo	Số hiệu bằng	Số quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp bằng số	Người nhận bằng ký nhận, ghi rõ họ tên		Ghi chú
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11		12	13	14	15	16(ký)	17 (Họ và tên)	18
699	Nguyễn Thị	Xuân	20/11/1986	Nữ		Việt Nam	Thanh Hóa		2019	GD Mầm non	Khá	21	Chính quy	B1057993	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-21			
700	Lê Thị Hồng	Anh	17/4/1992	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Giỏi	22	Chính quy	B1057994	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-22			
701	Nguyễn Vân	Anh	25/4/1992	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	23	Chính quy	B1057995	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-23			
702	Nguyễn Thị Lan	Anh	13/6/1994	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	24	Chính quy	B1057996	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-24			
703	Nguyễn Đăng	Công	29/7/1995	Nam		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	25	Chính quy	B1057997	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-25			
704	Tô Thị Hồng	Hà	20/9/1990	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	26	Chính quy	B1057998	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-26			
705	Nguyễn Thu	Hà	28/01/1994	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	27	Chính quy	B1057999	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-27			
706	Nguyễn Thị	Hân	14/8/1993	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Giỏi	28	Chính quy	B1058000	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-28			
707	Vương Thị	Hân	26/7/1993	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Giỏi	29	Chính quy	B1057701	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-29			
708	Nguyễn Thị	Hằng	05/7/1992	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	30	Chính quy	B1057702	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-30			
709	Nguyễn Thị	Hiền	08/9/1994	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	31	Chính quy	B1057703	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-31			
710	Nguyễn Thị	Hình	17/12/1981	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	32	Chính quy	B1057704	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-32			
711	Tô Thị	Hòa	24/4/1993	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	33	Chính quy	B1057705	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-33			
712	Trần Thị	Hồng	10/3/1993	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	34	Chính quy	B1057706	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-34			
713	Nguyễn Thị	Hương	06/9/1994	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	35	Chính quy	B1057707	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-35			
714	Nguyễn Thị	Hương	18/4/1994	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	36	Chính quy	B1057708	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-36			
715	Nguyễn Thị	Hường	11/11/1993	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	37	Chính quy	B1057709	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-37			
716	Mai Thị	Huyền	16/12/1993	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	38	Chính quy	B1057710	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-38			
717	Nguyễn Thị	Lan	13/02/1994	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	39	Chính quy	B1057711	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-39			
718	Nguyễn Thị	Lan	15/5/1986	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Giỏi	40	Chính quy	B1057712	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-40			
719	Lê Thị	Lan	23/11/1993	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	41	Chính quy	B1057713	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-41			
720	Vũ Thị	Lập	19/8/1981	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	42	Chính quy	B1057714	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-42			
721	Nguyễn Thị	Loan	28/12/1987	Nữ		Việt Nam	Hà Nội		2019	GD Tiểu học	Khá	43	Chính quy	B1057715	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-43			
722	Bảo Thị	Minh	01/5/1988	Nữ		Việt Nam	Hà Giang		2019	GD Tiểu học	Khá	44	Chính quy	B1057716	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-44			
723	Nguyễn Thị	Ngát	25/8/1988	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	45	Chính quy	B1057717	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-45			
724	Nguyễn Thị	Nghĩa	23/7/1979	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Giỏi	46	Chính quy	B1057718	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-46			
725	Trịnh Thị	Nhân	01/6/1993	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Giỏi	47	Chính quy	B1057719	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-47			
726	Nguyễn Thị	Oanh	15/11/1987	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	48	Chính quy	B1057720	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-48			
727	Nguyễn Thị	Quyên	13/4/1994	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	49	Chính quy	B1057721	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-49			
728	Nguyễn Thị	Quỳnh	30/11/1996	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Giỏi	50	Chính quy	B1057722	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-50			
729	Vũ Huy	Thắng	08/10/1989	Nam		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	51	Chính quy	B1057723	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-51			
730	Nguyễn Thị Thanh	Thơ	09/10/1995	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	52	Chính quy	B1057724	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-52			
731	Vũ Thị	Thu	05/8/1996	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	53	Chính quy	B1057725	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-53			
732	Nguyễn Thị	Vinh	14/02/1993	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	54	Chính quy	B1057726	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-54			
733	Nguyễn Thị	Xuân	02/8/1989	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	55	Chính quy	B1057727	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-55			
734	Nguyễn Thị Hải	Yến	12/12/1994	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	56	Chính quy	B1057728	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-56			
735	Nguyễn Thị	Yến	17/10/1989	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	57	Chính quy	B1057729	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-57			
736	Nguyễn Trọng	Chiến	21/5/1979	Nam		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	SP Toán học	Khá	58	Chính quy	B1057730	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-58			
737	Nguyễn Thị	Cúc	02/6/1986	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	SP Toán học	Giỏi	59	Chính quy	B1057731	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-59			
738	Nguyễn Sỹ	Diệm	16/01/1989	Nam		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	SP Toán học	Khá	60	Chính quy	B1057732	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-60			
739	Vũ Văn	Dương	07/7/1980	Nam		Việt Nam	Bắc Giang		2019	SP Toán học	Khá	61	Chính quy	B1057733	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-61			
740	Nguyễn Thị	Hằng	15/11/1982	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	SP Toán học	Giỏi	62	Chính quy	B1057734	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-62			
741	Lê Thị Lương	Hiền	15/7/1987	Nữ		Việt Nam	Bắc Giang		2019	SP Toán học	Khá	63	Chính quy	B1057735	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-63			
742	Vũ Thị Phương	Hoa	15/12/1981	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	SP Toán học	Khá	64	Chính quy	B1057736	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-64			
743	Nguyễn Thị	Lan	05/5/1987	Nữ		Việt Nam	Bắc Giang		2019	SP Toán học	Khá	65	Chính quy	B1057737	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-65			
744	Ngô Thị	Lành	16/8/1982	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	SP Toán học	Giỏi	66	Chính quy	B1057738	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-66			
745	Tổng Thị	Liên	23/10/1994	Nữ		Việt Nam	Bắc Giang		2019	SP Toán học	Giỏi	67	Chính quy	B1057739	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-67			
746	Nguyễn Thị	Loan	02/6/1985	Nữ		Việt Nam	Bắc Giang		2019	SP Toán học	Giỏi	68	Chính quy	B1057740	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-68			
747	Hoàng Thị	Lý	07/4/1982	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	SP Toán học	Khá	69	Chính quy	B1057741	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-69			

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Xếp hạng tốt nghiệp	Số TT	Hình thức đào tạo	Số hiệu bằng	Số quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp bằng số	Người nhận bằng ký nhận, ghi rõ họ tên		Ghi chú
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11		12	13	14	15	16(ký)	17 (Họ và tên)	18
748	Ngô Thị	Mai	16/5/1981	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	SP Toán học	Khá	70	Chính quy	B1057742	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-70			
749	Bùi Thế	Nguyễn	23/3/1987	Nam		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	SP Toán học	Giỏi	71	Chính quy	B1057743	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-71			
750	Lê Văn	Sơn	17/10/1989	Nam		Việt Nam	Bắc Giang		2019	SP Toán học	Giỏi	72	Chính quy	B1057744	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-72			
751	Nguyễn Thị Khắc	Sỹ	27/7/1979	Nữ		Việt Nam	Bắc Giang		2019	SP Toán học	Khá	73	Chính quy	B1057745	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-73			
752	Ninh Thị Như	Quỳnh	22/12/1992	Nữ		Việt Nam	Bắc Giang		2019	SP Toán học	Giỏi	74	Chính quy	B1057746	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-74			
753	Nguyễn Văn	Tài	20/8/1982	Nam		Việt Nam	Bắc Giang		2019	SP Toán học	Khá	75	Chính quy	B1057747	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-75			
754	Phạm Minh	Thắng	11/12/1982	Nam		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	SP Toán học	Khá	76	Chính quy	B1057748	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-76			
755	Nguyễn Xuân	Thắng	19/7/1979	Nam		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	SP Toán học	Khá	77	Chính quy	B1057749	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-77			
756	Nguyễn Trường	Thanh	03/02/1978	Nam		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	SP Toán học	Khá	78	Chính quy	B1057750	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-78			
757	Dương Thị Phương	Thảo	29/02/1984	Nữ		Việt Nam	Vĩnh Phúc		2019	SP Toán học	Khá	79	Chính quy	B1057751	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-79			
758	Lương Thị	Thoan	24/02/1981	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	SP Toán học	Khá	80	Chính quy	B1057752	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-80			
759	Vũ Thị	Thúy	28/6/1979	Nữ		Việt Nam	Hải Dương		2019	SP Toán học	Khá	81	Chính quy	B1057753	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-81			
760	Trần Thị Lệ	Thùy	19/4/1996	Nữ		Việt Nam	Bắc Giang		2019	SP Toán học	Khá	82	Chính quy	B1057754	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-82			
761	Đào Thị Tố	Trình	25/8/1985	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	SP Toán học	Khá	83	Chính quy	B1057755	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-83			
762	Nguyễn Hữu	Tuân	04/12/1995	Nam		Việt Nam	Hà Nội		2019	SP Toán học	Khá	84	Chính quy	B1057756	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-84			
763	Nguyễn Văn	Tuấn	27/9/1983	Nam		Việt Nam	Bắc Giang		2019	SP Toán học	Khá	85	Chính quy	B1057757	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-85			
764	Đoàn Văn	Tuấn	02/02/1982	Nam		Việt Nam	Bắc Giang		2019	SP Toán học	Khá	86	Chính quy	B1057758	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-86			
765	Nguyễn Sơn	Tùng	11/9/1992	Nam		Việt Nam	Hà Nội		2019	SP Toán học	Giỏi	87	Chính quy	B1057759	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-87			
766	Hoàng Thanh	Tuyền	28/11/1986	Nữ		Việt Nam	Bắc Giang		2019	SP Toán học	Giỏi	88	Chính quy	B1057760	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-88			
767	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	28/11/1992	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	SP Toán học	Khá	89	Chính quy	B1057761	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-89			
768	Phạm Thị Thanh	Vân	07/4/1989	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	SP Toán học	Giỏi	90	Chính quy	B1057762	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-90			
769	Đặng Đình	Viễn	02/8/1982	Nam		Việt Nam	Bắc Giang		2019	SP Toán học	Khá	91	Chính quy	B1057763	Số 271/QĐ-CĐSP (04/7/2019)	K37-91			
770	Trần Thị	Liên	14/6/1990	Nữ		Việt Nam	Bắc Giang		2019	GD Mầm non	Khá	92	Chính quy	B1057800	Số 436/QĐ-CĐSP (18/9/2019)	K36-73			
771	Đỗ Thị Thùy	Dương	19/10/1998	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh	2016-2019	2019	SP Ngữ Văn	Trung bình	93	Chính quy	B1057695	Số 436/QĐ-CĐSP (18/9/2019)	K36-530			
772	Kiều Thị Thu	Hà	30/10/1982	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	SP Ngữ Văn	Giỏi	1	Chính quy	B1057689	Số 436/QĐ-CĐSP (18/9/2019)	K37-93			
773	Nguyễn Thị	Hòa	16/10/1987	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	SP Ngữ Văn	Giỏi	2	Chính quy	B1057690	Số 436/QĐ-CĐSP (18/9/2019)	K37-94			
774	Trần Thị	Minh	01/01/1979	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	SP Ngữ Văn	Giỏi	3	Chính quy	B1057691	Số 436/QĐ-CĐSP (18/9/2019)	K37-95			
775	Đặng Thị Thu	Hằng	25/4/1983	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	SP Ngữ Văn	Giỏi	4	Chính quy	B1057692	Số 436/QĐ-CĐSP (18/9/2019)	K37-96			
776	Nguyễn Thị	Lan	11/11/1983	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	SP Ngữ Văn	Giỏi	5	Chính quy	B1057693	Số 436/QĐ-CĐSP (18/9/2019)	K37-97			
777	Vũ Thị Kiều	Trang	11/9/1991	Nữ		Việt Nam	Bắc Ninh		2019	GD Tiểu học	Khá	6	Chính quy	B1057694	Số 436/QĐ-CĐSP (18/9/2019)	K37-92			

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Tuyến